

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ - LONG AN

Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam

Huyện Đức Hòa - Tỉnh Long An

ĐT : 072 . 3849932-33 Fax : 072. 3849931

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2012

Kết thúc vào ngày 30/06/2012

NỘI DUNG

- | | |
|----------------------------------------------------------|------------|
| 1 - Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2012 | : 03 trang |
| 2 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý II năm 2012 | : 01 trang |
| 3 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đến 30/06/2012 | : 01 trang |
| 4 - Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30/06/2012 | : 12 trang |

Tháng 07 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Từ ngày 01/04/2012 đến ngày 30/06/2012

Báo cáo tài chính quý II
 năm 2012
 Mẫu số : Q -01d

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2012)	Số đầu kỳ (31/03/2012)
1	2	3	4	5
A. Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		22 703 045 325	26 898 084 503
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1 590 476 759	1 971 062 846
1. Tiền	111	V.01	362 476 759	1 321 062 846
- Tiền mặt tại quỹ (gồm cả ngân phiếu)	11A		162 568 000	56 094 923
- Tiền gửi Ngân hàng	11B		199 908 759	1 264 967 923
- Tiền đang chuyển	11C			
2. Các khoản tương đương tiền	112		1 228 000 000	650 000 000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16 089 764 036	19 764 610 857
1. Phải thu của khách hàng	131		26 369 343 149	28 922 310 635
2. Trả trước cho người bán	132		3 819 940	35 019 940
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	174 288 182	256 848 078
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-10 457 687 235	-9 449 567 796
IV. Hàng tồn kho	140		3 316 438 296	2 836 126 269
1. Hàng tồn kho	141	V.04	3 316 438 296	2 836 126 269
- Hàng mua đang đi trên đường	148			37 133 193
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	142		2 550 010 230	1 677 413 983
- Công cụ, dụng cụ trong kho	143			
- Chi phí SXKD dở dang	144		534 504 117	534 504 117
- Hàng gửi đi bán	147		231 923 949	587 074 976
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1 706 366 234	2 326 284 531
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		929 589 887	1 321 352 316
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	19 399 285	19 399 285
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		757 377 062	985 532 930
B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		18 940 229 619	20 782 468 315
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		11 393 653 178	12 094 031 866
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	6 803 456 272	7 363 771 506
- Nguyên giá	222		16 141 790 457	16 341 233 109
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-9 338 334 185	-8 977 461 603
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.09	2 323 245 523	2 450 280 520

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2012)	Số đầu kỳ (31/03/2012)
1	2	3	4	5
- Nguyên giá	225		4 065 119 928	4 065 119 928
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-1 741 874 405	-1 614 839 408
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	2 266 951 383	2 279 979 840
- Nguyên giá	228		2 605 691 260	2 605 691 260
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		- 338 739 877	- 325 711 420
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6 986 989 962	6 986 989 962
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		7 398 995 340	7 398 995 340
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		- 412 005 378	- 412 005 378
V. Tài sản dài hạn khác (260=261+262+268)	260		559 586 479	1 701 446 487
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	64 296 534	78 156 542
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268		495 289 945	1 623 289 945
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		41 643 274 944	47 680 552 818
Nguồn vốn				
A. Nợ phải trả (300=310+330)	300		29 016 164 752	32 029 019 951
I. Nợ ngắn hạn (310=311+312+313+314+315+316+317+318+319+320)	310		28 830 593 892	31 843 449 091
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	15 275 503 396	15 758 851 530
- Vay ngắn hạn			14 973 668 920	15 212 915 922
- Nợ dài hạn đến hạn trả			301 834 476	545 935 608
2. Phải trả cho người bán	312		11 429 152 036	13 661 057 426
3. Người mua trả tiền trước	313		865 938 000	1 003 058 000
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	199 496 746	316 123 791
5. Phải trả người lao động	315		153 004 116	155 964 199
6. Chi phí phải trả	316	V.17		
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	907 499 598	948 394 145
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			
II. Nợ dài hạn (330=331+332+333+334+335+336+337)	330		185 570 860	185 570 860
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	185 570 860	185 570 860
- Vay dài hạn	327			
- Nợ dài hạn	328		185 570 860	185 570 860
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+420)	400		12 627 110 192	15 651 532 867
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	12 627 110 192	15 651 532 867
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		27 482 700 000	27 482 700 000

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2012)	Số đầu kỳ (31/03/2012)
1	2	3	4	5
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2 027 762 786	2 027 762 786
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1 134 499 474	1 134 499 474
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-18 017 852 068	-14 993 429 393
- Lãi chưa phân phối	41A		-18 017 852 068	-14 993 429 393
- Lãi lỗ chưa kết chuyển trong kỳ	41B			
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
- Nguồn kinh phí sự nghiệp	42A			
- Chi sự nghiệp	42B			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	439			
Tổng cộng nguồn vốn (430=300+400)	440		41 643 274 944	47 680 552 818

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ Tiêu				
1. Tài sản thuê ngoài	01	V.24		
2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	02			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04			
5. Ngoại tệ các loại	05			
6. Dự toán chi sự nghiệp dự án	06			

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Phan Văn Vàng

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Vũ Xuân Mạch

Ngày 18 tháng 07 năm 2012

Trưởng Giám đốc

(Ký, họ tên)




Phạm Văn Tiến

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
QUÝ II NĂM 2012

Báo cáo tài chính Quý II
năm 2012
Mẫu số: Q - 02d

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối 30/06/2012	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối 30/06/2011
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	9.799.377.763	26.823.716.437	18 220 880 587	51 140 746 421
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		9.799.377.763	26.823.716.437	18 220 880 587	51 140 746 421
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	10.445.730.945	24.298.184.762	20 744 425 293	47 462 156 961
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		-646.353.182	2.525.531.675	-2 523 544 706	3 678 589 460
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	52.660.259	643.140.573	124 976 338	653 480 447
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	684.636.652	1.027.132.778	1 361 623 123	1 891 044 840
-Trong đó: Chi phí lãi vay	23		684.636.652	1.027.132.778	1 361 623 123	1 891 044 840
8. Chi phí bán hàng	24		202.503.210	253.029.658	457 392 272	427 000 061
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.554.613.172	1.184.988.180	2 325 178 805	2 220 005 668
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21-22)-(24+25)]	30		-3.035.445.957	703.521.632	-6 542 762 568	- 205 980 662
11. Thu nhập khác	31		163.185.487	1.233.157.324	1 232 281 297	2 271 217 169
12. Chi phí khác	32		152.162.205	1.557.759.461	1 706 406 309	1 557 759 461
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		11.023.282	-324.602.137	- 474 125 012	713 457 708
14. Phần lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45					
15. Tổng lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		-3.024.422.675	378.919.495	-7 016 887 580	507 477 046
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30		68.621.272		93 137 787
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60 = 50 - 51-52)	60		-3.024.422.675	310.298.223	-7 016 887 580	414 339 259
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61					
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62					
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		- 1 100	113	- 2 553	151

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Phan Văn Vàng

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Vũ Xuân Mạch

Ngày 18 tháng 07 năm 2012

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phạm Văn Tiến

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày: 01/01/2012 đến ngày: 30/06/2012

Báo cáo tài chính Quý II
năm 2012
Mẫu số: Q - 03d

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II/2012	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II/2011
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và các doanh thu khác	01		29 178 551 757	61 745 259 155
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		-4 729 650 568	-13 586 916 694
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-1 537 421 225	-2 676 000 698
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-1 361 920 123	-1 852 815 840
5. Tiền chi nộp thuế và các khoản khác cho nhà nước	05		- 221 427 308	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2 885 032 614	2 816 195 938
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-1 608 012 606	-5 919 303 697
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (20+30+40)	20		22 605 152 541	40 526 418 164
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-2 220 000 000	
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		1 050 000 000	28 000 000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		124 976 338	615 251 447
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-1 045 023 662	643 251 447
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		808 000 000	325 000 000
4. Tiền chi trả nợ trả nợ gốc vay	34		-24 441 190 235	-40 634 561 458
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			- 606 196 137
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-23 633 190 235	-40 915 757 595
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50= 20+30+40)	50		-2 073 061 356	253 912 016
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2 435 538 115	1 696 514 381
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	31	362 476 759	1 950 426 397

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Phan Văn Vàng

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Vũ Xuân Mạch

Ngày 18 tháng 07 năm 2012

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên đóng dấu)



Phạm Văn Tiến

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01 tháng 04 đến 30 tháng 06 năm 2012

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Hồng Hà - Long An được thành lập theo biên bản thỏa thuận số 01/05/BB-HHLA ngày 01/08/2005 về việc thành lập và góp vốn điều lệ cho Công ty Cổ Phần Hồng Hà - Long An. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100682291 (số cũ 5003000119) ngày 14/09/2005. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 08/12/2010 do phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế Hoạch Đầu Tư Tỉnh Long An cấp.

2- Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất kinh doanh

3- Ngành nghề kinh doanh

- 1- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (mã ngành : 4290 chính)
- 2- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản (mã 46204).
- 3- Bán buôn thủy sản (mã ngành 46322).
- 4- Bán buôn gạo (mã ngành 46310).
- 5- Bán lẻ thủy trong các cửa hàng chuyên doanh (mã ngành : 47222).
- 6- *Xây dựng, xây lắp, sửa chữa các công trình dân dụng, công nghiệp kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, thi công trang trí nội ngoại thất công trình giao thông thủy lợi, cấp thoát nước, Xử lý môi trường, Giám sát xây dựng công trình, quản lý dự án công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, Dịch vụ môi giới, tư vấn bất động sản, Kinh doanh bất động sản Cung cấp , lắp đặt đường dây trạm biến áp, thiết bị công nghiệp, hệ thống cơ điện lạnh, Kinh doanh vận tải hàng hoá, hành khách bằng đường bộ, đường thủy. Cho thuê thiết bị máy móc xây dựng, thiết bị dây chuyền công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng. Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng. Sản xuất phân bón. Sản xuất hoá chất (Trừ hoá chất có tính độc hại mạnh). Mua bán trang thiết bị, dụng cụ trường học, bệnh viện, văn phòng, thể thao, vật tư hàng hoá. Mua bán máy móc, thiết bị dây chuyền công nghệ phụ tùng. Sản xuất, kinh doanh thiết bị xây dựng, kết cấu thép tiền chế, các sản phẩm cơ khí. Bán buôn hóa chất. Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh.*

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không thay đổi nào làm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính quý II năm 2012.

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1- Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm).
- 2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán *Việt nam đồng (VND)*

III- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1- Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Việt Nam được quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà Nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành áp dụng.

3- Hình thức kế toán áp dụng: *Nhật ký chung được thực hiện trên phần mềm máy vi tính*

IV- Các chính sách kế toán áp dụng

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

-Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

-Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác :

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được qui đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào doanh thu và chi phí tài chính trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

-Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi :

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

* Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.

* Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng hóa tồn kho

-Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Công ty áp dụng nguyên tắc bình quân gia quyền để đánh giá hàng tồn kho.

-Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Kiểm kê định kỳ

-Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

-Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư

-Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo quy định tại thông tư 203/2009/TT-BTC ban hành ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

-Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

Loại tài sản

Thời gian khấu hao

-Nhà cửa, vật kiến trúc

06 - 10 năm

-Máy móc thiết bị

05 - 10 năm

-Phương tiện vận tải

06 - 10 năm

-Thiết bị văn phòng

03 - 06 năm

-Tài sản cố định vô hình

50 năm

-Tài sản thuê tài chính

06 - 10 năm

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

-Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

-Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

-Các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

-Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

-Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác.

-Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16

"Chi phí đi vay".

-Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

-Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác.

-**Phương pháp phân bổ chi phí trả trước**

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Chi phí thành lập
- Chi phí hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả được lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

(Công ty chưa thực hiện lập dự phòng cho các khoản nợ phải trả)

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu

Lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau :

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau :

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

15- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính : VND

01 - TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Số cuối quý II/2012	Số đầu quý (31/03/2012)
- Tiền mặt	162.568.000	56.094.923
- Tiền gửi ngân hàng	199.908.759	1.264.967.923
- Tiền đang chuyển		
- Các khoản tương đương tiền	1.228.000.000	650.000.000
Cộng	1.590.476.759	1.971.062.846

Ghi chú : -Số dư tiền mặt tại quỹ khớp với biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt vào ngày 30/06/2012.

-Số dư cuối kỳ của tiền gửi tại các ngân hàng khớp với sổ phụ ngân hàng ngày 30/06/2012.

02 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	Số cuối quý II/2012	Số đầu quý (31/03/2012)
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn		
- Đầu tư ngắn hạn khác		
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
Cộng		

03 - CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	Số cuối quý II/2012	Số đầu quý (31/03/2012)
- Phải thu khách hàng	26.369.343.149	28.922.310.635
- Trả trước cho người bán	3.819.940	35.019.940
- Các khoản phải thu khác	174.288.182	256.848.078
+ Cty Cho Thuê tài chính Quốc tế VILC	57.227.002	72.285.026
+ Cty Cho thuê Tài chính CILC		
+ Phải thu khác (nợ TK 338)	6.873.815	6.873.815
+ Thuế TNCN phải thu người lao động	40.700.295	38.807.195
+ Phải thu người lao động tiền BHXH	13.983.276	15.754.536
+ Phải thu khác người lao động	47.570.715	122.062.056
+ Phải thu của người bán	7.933.079	
+ Phải thu khác		1.065.450
- Dự phòng phải thu khó đòi	-10.457.687.235	-9.449.567.796
Cộng	16.089.764.036	19.764.610.857

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

04 - Hàng tồn kho	Số cuối quý II/2012	Số đầu quý (31/03/2012)
+ Giá gốc hàng tồn kho	3.316.438.296	2.836.126.269
- Hàng mua đi đường		37.133.193
- Nguyên liệu ,vật liệu tồn kho	2.550.010.230	1.677.413.983
- Công cụ, dụng cụ		
- Chi phí SX, KD dở dang (*)	534.504.117	534.504.117
- Hàng gửi đi bán (*)	231.923.949	587.074.976
- Thành phẩm		
- Hàng hóa		
+ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0	0
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	3.316.438.296	2.836.126.269

-Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ khớp với biên bản kiểm kê kho tại ngày 30/06/2012.

-(*) : Giá trị trên chỉ tiêu chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (đầu kỳ và cuối kỳ) là số lượng bê tông đã xuất cho khách hàng vào thời điểm kết thúc 30/06/2012 nhưng chưa được khách hàng xác nhận và hồ sơ liên quan để phát hành hóa đơn, đơn vị treo lại khoản chi phí này để khi có xác nhận của khách hàng mua bê tông, đơn vị sẽ xuất hóa đơn để ghi nhận doanh thu và kết chuyển vào giá vốn. Giá trị này thực chất không phải là chi phí SXKD dở dang cuối kỳ.

-Trong số dư chi phí SXKD dở dang cuối kỳ có 534.504.117 đồng là khoản chi phí lắp đặt trạm trộn bê tông 30 m3/h cho Cty Cổ Phần Đầu tư & XD Công Nghệ 10 theo hợp đồng kinh tế số 101-06/HDKT ngày 25/09/2006. Chi phí này đến 30/06/2012 vẫn chưa quyết toán xong với khách hàng.

05 -CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN	Số cuối quý II/2012	Số đầu quý (31/03/2012)
-Chi phí công cụ dụng cụ chưa phân bổ	33.365.914	33.829.073
-Chi phí sửa chữa và mua bảo hiểm MMTB	896.223.973	1.287.523.243
-Chi phí khác		

Cộng**929.589.887****1.321.352.316**

06 -TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	Số cuối quý II/2012	Số đầu quý (31/03/2012)
-Các khoản tạm ứng cá nhân	757.377.062	985.532.930

Cộng**757.377.062****985.532.930**

07 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Số cuối quý II/2012	Số đầu quý (31/03/2012)
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa		
- Thuế GTGT được khấu trừ		
- Các khoản khác phải nộp Nhà nước		

Cộng**0****0****08 - Tăng , giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình	3.202.543.682	3.814.256.551	8.749.050.275	183.546.612	192.393.337	16.141.790.457
Số dư đầu quý	3.202.543.682	4.013.699.203	8.749.050.275	183.546.612	192.393.337	16.341.233.109
-Mua trong quý						0
-Đầu tư XDCB hoàn thành						0
-Tăng khác						0
-Chuyển sang BĐS đầu tư						0
-Thanh lý, nhượng bán		199.442.652				199.442.652
-Giảm khác						0
Số dư cuối quý	3.202.543.682	3.814.256.551	8.749.050.275	183.546.612	192.393.337	16.141.790.457
Giá trị hao mòn lũy kế	1.789.457.089	2.285.245.368	5.003.149.887	173.904.883	86.576.958	9.338.334.185
Số dư đầu quý	1.712.625.786	2.268.569.089	4.746.044.176	168.455.425	81.767.127	8.977.461.603
-Khấu hao trong quý	76.831.303	123.045.688	257.105.711	5.449.458	4.809.831	467.241.991
-Tăng khác						0
-Chuyển sang BĐS đầu tư						0
-Thanh lý, nhượng bán		106.369.409				106.369.409

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

-Giảm khác						0
Số dư cuối quý						0
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình	1.413.086.593	1.529.011.183	3.745.900.388	9.641.729	105.816.379	6.803.456.272
-Tại ngày đầu quý	1.489.917.896	1.745.130.114	4.003.006.099	15.091.187	110.626.210	7.363.771.506
-Tại ngày cuối quý	1.413.086.593	1.529.011.183	3.745.900.388	9.641.729	105.816.379	6.803.456.272

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố

dảm bảo các khoản vay

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình

09 - Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	TSCĐ vô hình	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính	-	1.086.595.861	2.978.524.067	-	-	4.065.119.928
Số dư đầu quý		1.086.595.861	2.978.524.067			4.065.119.928
-Thuê tài chính trong quý						-
-Mua lại TSCĐ thuê tài chính						-
-Tăng khác						-
-Trả lại TSCĐ thuê tài chính						-
-Giảm khác						-
Số dư cuối quý		1.086.595.861	2.978.524.067			4.065.119.928
Giá trị hao mòn lũy kế	-	271.648.968	1.470.225.437	-	-	1.741.874.405
Số dư đầu quý		237.692.847	1.377.146.561			1.614.839.408
-Khấu hao trong quý		33.956.121	93.078.876			127.034.997
-Mua lại TSCĐ thuê tài chính						-
-Tăng khác						-
-Trả lại TSCĐ thuê tài chính						-
-Giảm khác						-
Số dư cuối quý		-	-	-	-	-
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính	-	814.946.893	1.508.298.630	-	-	2.323.245.523
-Tại ngày đầu năm		848.903.014	1.601.377.506			2.450.280.520
-Tại ngày cuối năm		814.946.893	1.508.298.630			2.323.245.523

* Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm

10 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Quyền sử dụng đất	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình				2.605.691.260		2.605.691.260
Số dư đầu Quý				2.605.691.260		2.605.691.260
-Mua trong quý						0
-Tạo ra từ nội bộ DN						0
-Tăng do hợp nhất kinh doanh						0
-Tăng khác						0
-Thanh lý, nhượng bán						0
-Giảm khác						0
Số dư cuối năm				2.605.691.260		2.605.691.260
Giá trị hao mòn lũy kế				338.739.877		338.739.877
Số dư đầu quý				325.711.420		325.711.420
-Khấu hao trong quý				13.028.457		13.028.457
-Tăng khác						0
-Thanh lý, nhượng bán						0
-Giảm khác						0
Số dư cuối quý				338.739.877		338.739.877

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình				2.266.951.383		2.266.951.383
-Tại ngày đầu năm				2.279.979.840		2.279.979.840
-Tại ngày cuối năm				2.266.951.383		2.266.951.383

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác

11 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dangSố cuối quý II/2012Số đầu quý (31/03/2012)

- Tổng số chi phí XD CB dở dang

Trong đó (những công trình lớn)

+ NM BTHHBR-VT số 1

12 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Nguyên giá BĐS đầu tư				
-Quyền sử dụng đất				
-Nhà				
-Nhà và quyền sử dụng đất				
-Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế				
-Quyền sử dụng đất				
-Nhà				
-Nhà và quyền sử dụng đất				
-Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại của BĐS đầu tư				
-Quyền sử dụng đất				
-Nhà				
-Nhà và quyền sử dụng đất				
-Cơ sở hạ tầng				

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác

13 - Đầu tư dài hạn khácSố cuối quý II/2012Số đầu quý (31/03/2012)

-Đầu tư cổ phiếu (a)

7.398.995.340

7.398.995.340

-Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (b)

-412.005.378

-412.005.378

Cộng**6.986.989.962****6.986.989.962**

(a) - Là giá trị đầu tư cổ phiếu vào các Công ty sau :

Tên cổ phiếu	<u>30/06/2012</u>		<u>31/03/2012</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư cổ phiếu Công ty CP XD & KD Địa ốc Tân Kỳ	33	145.340	33	145.340
- Đầu tư cổ phiếu Công ty CP ĐT & PT Hồng Hà	679.685	6.796.850.000	679.685	6.796.850.000
- Đầu tư CP Công ty CP Hồng Hà Bà Rịa - Vũng Tàu	60.200	602.000.000	60.200	602.000.000
Cộng		7.398.995.340		7.398.995.340

Ghi chú : Trong quý Công ty có mua 50.000 cổ phiếu của Cty CP ĐT & PT Hồng Hà.

(b) - Là giá trị dự phòng tổn thất đầu tư cổ phiếu vào Công ty Cổ Phần Hồng Hà Bà Rịa - Vũng Tàu.

14 - TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁCSố cuối quý II/2012Số đầu quý (31/03/2012)

- Ký quỹ thuê tài chính - Cty cho thuê

423.289.945

423.289.945

tài chính Quốc tế VN (VILC)

- Đặt cọc mua xe trộn bê tông & xe bơm ngang

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

Cty Cho thuê tài chính (CILC)		
-Đặt cọc thuê mặt bằng NMBTHHLA số 2	72.000.000	72.000.000
-Thế chấp tài sản Ngân hàng ĐT & TP - CN Phú Nhuận	-	1.128.000.000
Cộng	495.289.945	1.623.289.945
15 - VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN	Số cuối quý II/2012	Số đầu quý (31/03/2012)
- Vay ngắn hạn	14.973.668.920	15.212.915.922
+Vay ngắn hạn NH ĐT & PT - CN Phú Nhuận	13.003.668.920	13.752.915.922
+Vay ngắn hạn Cty CP Đầu tư & Phát triển Hồng Hà		
+Vay ngắn hạn của các cá nhân	1.970.000.000	1.460.000.000
* Phạm Văn Tiến	1.930.000.000	1.460.000.000
* Trác Văn Thanh	40.000.000	
- Nợ dài hạn đến hạn trả	301.834.476	545.935.608
+Ngân hàng ĐT & PT - CN Phú Nhuận		
+Công ty cho thuê tài chính Quốc tế VN (VILC)	301.834.476	545.935.608
-Phải trả người bán	11.429.152.036	13.661.057.426
-Người mua trả trước	865.938.000	1.003.058.000
-Phải trả tiền lương người lao động	153.004.116	155.964.199
Cộng	27.723.597.548	30.578.931.155
Ghi chú :		
-Số dư các khoản vay ngân hàng khớp với xác nhận của ngân hàng tại ngày 30/06/2012.		
-Số dư khoản vay các cá nhân khớp với biên bản xác nhận vốn vay tại ngày 30/06/2012		
-Số dư phải trả người bán khớp với biên bản xác nhận công nợ tại ngày 30/06/2012		
16 - THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC	Số cuối quý II/2012	Số đầu quý (31/03/2012)
- Thuế giá trị gia tăng	46.694.971	164.106.666
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất, nhập khẩu		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế thu nhập cá nhân		
- Thuế tài nguyên		
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		
- Các loại thuế khác	152.801.775	152.017.125
-Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
Cộng	199.496.746	316.123.791
17 - CHI PHÍ PHẢI TRẢ	Số cuối quý II/2012	Số đầu quý (31/03/2012)
-Chi phí lãi vay vốn cố định		
-Chi phí thuê bơm bê tông		
-Chi phí thí nghiệm mẫu		
-Chi phí phải trả khác		
Cộng	0	0
18 - CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC	Số cuối quý II/2012	Số đầu quý (31/03/2012)
- Tài sản thừa chờ giải quyết		
- Kinh phí công đoàn	494.033.947	481.217.780
- Bảo hiểm xã hội	105.401.308	132.698.078
- Bảo hiểm y tế	24.900.191	24.807.540
- Bảo hiểm thất nghiệp	10.161.970	10.932.965
- Phải trả cổ tức (cổ đông)	60.460.000	60.460.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	101.500.000	105.000.000
- Các khoản phải trả khác	111.042.182	133.277.782
-Thuế TNCN được miễn phải trả người môi giới		
Cộng	907.499.598	948.394.145
19 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN	Số cuối quý II/2012	Số đầu quý (31/03/2012)

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

a - Vay dài hạn

- +Vay dài hạn ngân hàng ĐT & PT - CN TP. HCM
- Trái phiếu phát hành

b - Nợ dài hạn

- +Thuê tài chính - Cty Cho thuê Tài chính VILC
- +Thuê tài chính - Cty cho thuê tài chính CILC

185.570.860**185.570.860**

185.570.860

185.570.860

Cộng**185.570.860****185.570.860****c - Các khoản nợ thuê tài chính**

Thời hạn	Năm nay (Quý II/2012)			Năm trước (Quý II/2011)		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 01 năm trở xuống						
Trên 1 năm đến 5 năm	266.949.551	22.848.419	244.101.132	374.633.615	69.319.268	305.314.347
Trên 5 năm						

20 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**a - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**Số cuối quý II/2012Số đầu quý (31/03/2012)

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**b - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**Số cuối quý II/2012Số đầu quý (31/03/2012)

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

21 - Vốn chủ sở hữu**a - Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu (LN chưa PP)	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	NV đầu tư XDCVB	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8
Số dư đầu năm trước	27.482.700.000		1.959.513.585		2.027.762.786	1.134.499.474		
-Tăng vốn trong năm trước								
-Lãi trong năm trước								
-Tăng khác								
-Giảm vốn trong năm trước								
-Lỗ trong năm trước			12.960.478.073					

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

-Giảm khác								
Số dư cuối năm trước số dư đầu năm nay	27.482.700.000		(11.000.964.488)		2.027.762.786	1.134.499.474		
-Tăng vốn trong năm nay								
-Lãi trong năm nay								
-Tăng khác								
-Giảm vốn trong năm nay								
-Lỗ trong năm nay			7.016.887.580					
-Giảm khác								
Số dư cuối năm nay	27.482.700.000		(18.017.852.068)		2.027.762.786	1.134.499.474		

b - Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp của Nhà nước
- Vốn góp của các cổ đông
- (Bao gồm các cổ đông sáng lập và các cổ đông khác)

Cộng

Số cuối quý II/2012

Số đầu quý (31/03/2012)

27.482.700.000

27.482.700.000

27.482.700.000

27.482.700.000

c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu
- + Vốn góp đầu năm
- + Vốn góp tăng trong năm
- + Vốn góp giảm trong năm
- + Vốn góp cuối năm
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

Số cuối quý II/2012

Số đầu quý (31/03/2012)

27.482.700.000

27.482.700.000

27.482.700.000

27.482.700.000

d - Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

d - Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng
- + Cổ phiếu phổ thông
- + Cổ phiếu ưu đãi
- Số lượng cổ phiếu được mua lại
- + Cổ phiếu phổ thông
- + Cổ phiếu ưu đãi
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- + Cổ phiếu phổ thông
- + Cổ phiếu ưu đãi

Số cuối quý II/2012

Số đầu quý (31/03/2012)

2.748.270

2.748.270

2.748.270

2.748.270

2.748.270

2.748.270

2.748.270

2.748.270

2.748.270

2.748.270

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành

(10.000 đ/cp (Mười ngàn đồng/cổ phiếu)

e - Các quỹ của doanh nghiệp

Số cuối quý II/2012

Số đầu quý (31/03/2012)

- Quỹ đầu tư phát triển

2.027.762.786

2.027.762.786

- Quỹ dự phòng tài chính

1.134.499.474

1.134.499.474

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

- Quỹ khen thưởng và phúc lợi

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

VI - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính : VND

	<u>Năm nay (QII/2012)</u>	<u>Năm trước (QII/2011)</u>
22 - TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (Mã số 01)	9.799.377.763	24.317.029.984
Trong đó		
- Doanh thu bán hàng	9.799.377.763	24.317.029.984
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng (đối với DN có hoạt động xây lắp)		
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ		
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính		
Cộng	9.799.377.763	24.317.029.984
23 - CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU (Mã số 02)	Năm nay (QII/2012)	Năm trước (QII/2011)
Trong đó		
- Chiết khấu thương mại		
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại		
- Thuế GTGT phải nộp (PP trực tiếp)		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất khẩu		
24 - DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (Mã số 10)	Năm nay (QII/2012)	Năm trước (QII/2011)
Trong đó		
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	9.799.377.763	26.823.716.437
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ		
Cộng	9.799.377.763	26.823.716.437
25 - GIÁ VỐN HÀNG BÁN (Mã số 11)	Năm nay (QII/2012)	Năm trước (QII/2011)
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.446.194.991	24.298.184.762
Cộng	10.446.194.991	24.298.184.762
26 - DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH (Mã số 21)	Năm nay (QII/2012)	Năm trước (QII/2011)
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	52.660.259	13.455.573
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Chiết khấu thanh toán được hưởng		
- Thu nhập về hoạt động mua bán chứng khoán		
- Doanh hoạt động tài chính khác		
Cộng	52.660.259	13.455.573
27 - CHI PHÍ TÀI CHÍNH (Mã số 22)	Năm nay (QII/2012)	Năm trước (QII/2011)
- Chi phí lãi vay vốn cố định (vay dài hạn NH)		19.943.254
- Chi phí lãi vay vốn lưu động (vay ngắn hạn NH)	575.032.070	894.108.105
- Chi phí lãi thuê tài chính	22.848.419	69.319.268
- Chi phí lãi vay cá nhân và các đối tượng khác	86.756.163	43.762.151
- Chi phí tài chính khác		
Cộng	684.636.652	1.027.132.778
28 - CHI PHÍ THUẾ TNDN PHẢI NỘP	Năm nay (QII/2012)	Năm trước (QII/2011)

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ - LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ (Mã số 51)

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-3.024.422.675	378.919.495
-Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
-Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-3.024.422.675	378.919.495
-Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		68.621.272
-Chi phí thuế TNDN hoãn lại (Mã số 52)		
-Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-3.024.422.675	310.298.223

Ghi chú :

- Thu nhập chịu thuế của nhà máy 1, nhà máy 2, nhà máy 3 được xác định theo tỷ lệ doanh thu của từng nhà máy trên tổng doanh thu.
- Thuế suất thuế TNDN của nhà máy 1 là 15%, nhà máy 2 và nhà máy 3 là 25%
- Công ty đang trong giai đoạn được giảm 50% thuế TNDN.

29 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2012Năm nay (30/06/2012)

1 -Lợi nhuận năm 2011 còn lại chưa phân phối	-11.000.964.488
2 -Lợi nhuận kinh doanh quý I năm 2012	-3.992.464.905
3 -Lợi nhuận kinh doanh quý II năm 2012	-3.024.422.675
4 -Tổng lợi nhuận đến 30/06/2012 (=1+2+3)	-18.017.852.068
-Các khoản chi từ lợi nhuận sau thuế	0
+Chi phí khác	
+Trích lập các quỹ	0
-Quỹ dự phòng tài chính (5%)	
-Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)	
-Quỹ đầu tư phát triển (10%)	
-Lợi nhuận còn lại đến 31/03/2012	-18.017.852.068

30 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾUNăm nay (QH/2012)Năm trước (QH/2011)

-Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-3.024.422.675	310.298.223
-Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.748.270	2.748.270
-Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-1.100	113

31 - Chi phí sản xuất , kinh doanh theo yếu tốNăm nay (QH/2012)Năm trước (QH/2011)

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.267.997.233	18.514.809.609
- Chi phí nhân công	705.017.037	1.464.069.170
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	607.305.445	807.666.381
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	287.413.231	1.517.024.925
- Chi phí khác bằng tiền	2.340.060.409	2.300.783.842

Cộng**10.207.793.355****24.604.353.927****VII - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

- 32 Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc 30/06/2012 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành ngày 18/07/2012.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập ngày 18 tháng 07 năm 2012

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phan Văn Vàng

Vũ Xuân Mạch



Phạm Văn Tiến